

Bản án số: 133/2017/DS-ST
Ngày 18/9/2017
V/v " Tranh chấp
hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Kim Ngân.
2. Ông Phan Công Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2017/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Minh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp P A, xã Phú K, huyện C, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972.

Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ, cụ thể như sau:

-Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05 tháng 02 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 21 kỳ là 108.160.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 20 tháng 02 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 20 kỳ là 104.800.000 đồng.

-Hụi 10.000.000 đồng, khai ngày 08 tháng 6 năm 2016, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 02 phần, đóng vốn hụi được 07 kỳ là 89.820.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10 tháng 6 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 13 kỳ là 63.960.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 05 tháng 7 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 11 kỳ là 80.640.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15 tháng 7 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 11 kỳ là 54.000.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30 tháng 8 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 08 kỳ là 39.460.000 đồng.

-Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 08 tháng 10 năm 2016, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 05 kỳ là 75.200.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 15 tháng 11 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 04 phần, đóng vốn hụi được 03 kỳ là 25.000.000 đồng.

-Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 28 tháng 9 năm 2015, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 02 phần, đóng vốn hụi được 15 kỳ là 90.200.000 đồng.

-Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 08 tháng 9 năm 2016, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 03 phần, đóng vốn hụi được 04 kỳ là 41.550.000 đồng.

-Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 28 tháng 5 năm 2015, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 02 phần, đóng vốn hụi được 19 kỳ là 114.560.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 10 tháng 01 năm 2016, mỗi tháng khai 02 lần, tham gia 03 phần, đóng vốn hụi được 23 kỳ là 134.310.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 10 tháng 01 năm 2016, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 02 phần, đóng vốn hụi được 12 kỳ là 44.625.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 25 tháng 6 năm 2016, mỗi tháng khai 01 lần, tham gia 02 phần, đóng vốn hụi được 06 kỳ là 21.960.000 đồng.

Tổng số tiền ông đóng cho bà H là 1.188.245.000 đồng, các dây hụi trên ông chưa hết. Cuối năm 2016 bà H bẻ hụi không còn tiếp tục chơi nữa, bà H làm giấy thôi vốn hụi nợ ông số tiền trên nhưng đến nay chưa trả cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu bà H và ông C là chồng bà H liên đới trả số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H, ông Nguyễn Ngọc C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T, buộc ông Nguyễn Ngọc C bà Nguyễn Mỹ H liên đới trả cho ông T số tiền là 1.188.245.000 đồng. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Minh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C trả số tiền hui còn thiếu nên đây là tranh chấp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

-Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C cư trú tại số 52B3, khu phố 4, phường P, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H ông Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H ông C.

[2] Ông Phạm Minh T có tham gia 15 dây hui do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ gồm các dây hui 2.000.000 đồng, 3.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Các dây hui được mở vào các năm 2015, 2016. Quá trình chơi hui, ông T đã đóng cho bà H số tiền của 15 dây hui là 1.188.245.000 đồng. Đến cuối năm 2016 bà H vỡ hui, các dây hui không còn tiếp tục chơi nên ông T cũng không còn đóng hui cho bà H. Bà H làm giấy thôi vốn hui lại cho các hui viên, trong đó có ông T. Theo giấy thôi vốn hui ngày 19 tháng 3 năm 2017 thì bà H thừa nhận có nợ tiền vốn hui của ông Phạm Minh T số tiền là 1.188.245.000 đồng. Sau khi viết giấy nợ hui đến nay bà H chưa trả lại số tiền trên cho ông T mặc dù đã được ông T nhiều lần yêu cầu. Do đó, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh T số tiền 1.188.245.000 đồng.

[3] Ông Phạm Minh T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C là chồng của bà H có trách nhiệm cùng bà H trả số tiền 1.188.245.000 đồng. Xét thấy, bà H chơi hui nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình chung, ông C biết việc bà H chơi hui và biết việc bà H thiếu nợ nhưng không có ý kiến phản đối, hôn nhân của ông bà vẫn tồn tại. Do đó, buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả số tiền 1.188.245.000 đồng cho ông T.

[4] Về lãi suất: Ông T chỉ yêu cầu bà H ông C trả tiền vốn hui, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả. Xét yêu cầu của ông T phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà H ông C không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của ông T nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận toàn bộ nên bà H ông C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả theo quy định tại Điều

48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, cụ thể án phí được tính như sau :

$36.000.000 \text{ đồng} + (1.188.245.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) \times 3\% = 47.647.350 \text{ đồng}$. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hội, họ, biêu, phurong; Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Mỹ Hằng Nguyễn Ngọc C liên đới trả cho ông Phạm Minh T số tiền vốn hội là 1.188.245.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Mỹ Hằng Nguyễn Ngọc C liên đới chịu 47.647.350 đồng.

- Ông Phạm Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.823.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011279 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và THA -TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu V.Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

